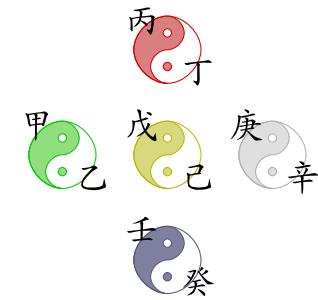
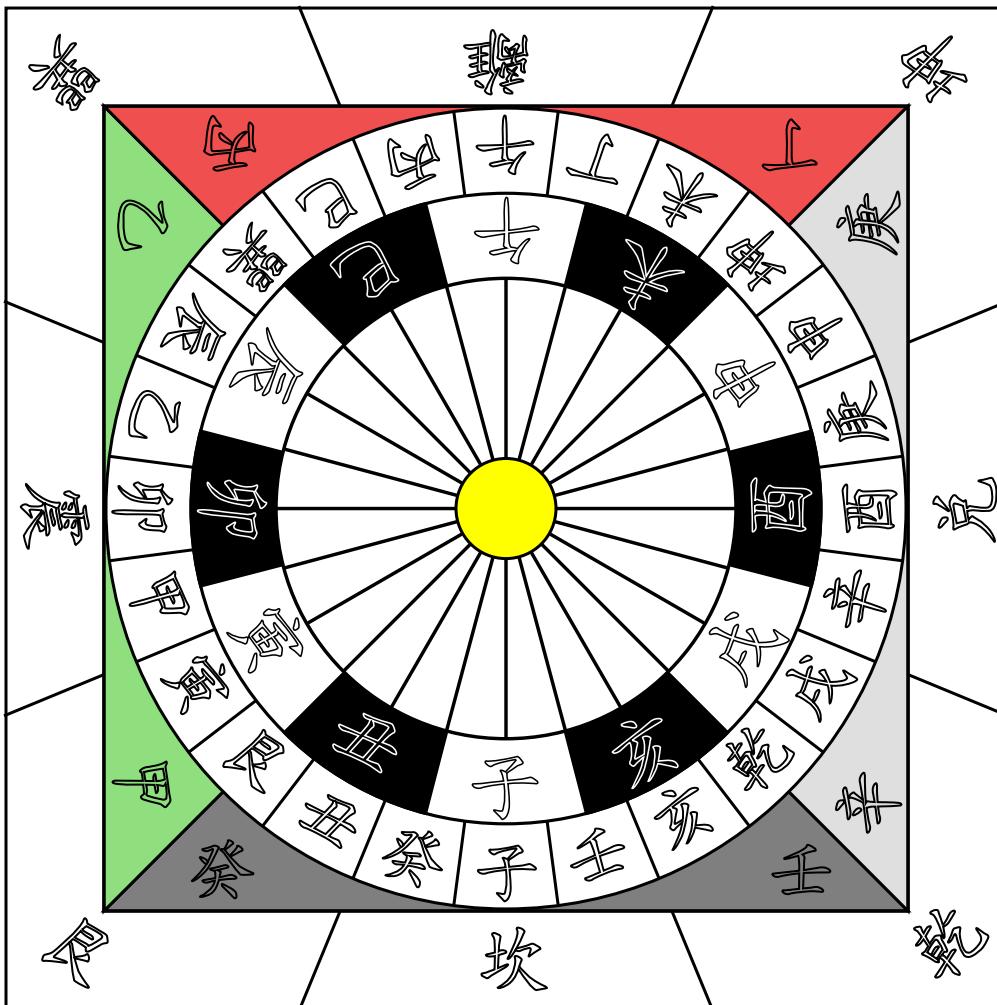


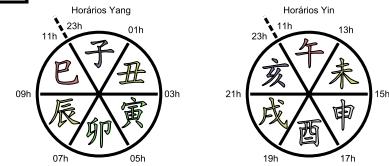
Os cinco elementos e as direções cardinais.

五行 (elemento) wǔ xíng	方位 (direção) fāng wèi
木 madeira mù	東 leste dōng
火 fogo huǒ	南 sul nán
土 terra tǔ	中 centro zhōng
金 metal jīn	西 oeste xī
水 água shuǐ	北 norte běi



Os troncos celestes e os cinco elementos.

天干 / 十干		shí gān
陽 yáng	陰 yīn	五行 wǔ xíng
甲 jiǎ	乙 yǐ	木 mù
丙 bǐng	丁 dīng	火 huǒ
戊 wù	己 jǐ	土 tǔ
庚 gēng	辛 xīn	金 jīn
壬 rén	癸 guǐ	水 shuǐ



Os ramos terrestres e seus horários

地支 / 十二支			
支 (ramo)	生肖 (animal)	五行 wǔ xíng	時刻 (horário)
子 zǐ	鼠 rato	陽 yáng 水 shuǐ	23時-01時
丑 chǒu	牛 touro	陰 yīn 土 tǔ	01時-03時
寅 yín	虎 tigre	陽 yáng 木 mù	03時-05時
卯 mǎo	兔 coelho	陰 yīn 水 shuǐ	05時-07時
辰 chén	龍 dragão	陽 yáng 土 tǔ	07時-09時
巳 sì	蛇 serpente	陰 yīn 火 huǒ	09時-11時
午 wǔ	馬 cavalo	陽 yáng 土 tǔ	11時-13時
未 wèi	羊 carneiro	陰 yīn 水 shuǐ	13時-15時
申 shēn	猴 macaco	陽 yáng 金 jīn	15時-17時
酉 yóu	雞 galinha	陰 yīn 土 tǔ	17時-19時
戌 xū	狗 cachorro	陽 yáng 水 shuǐ	19時-21時
亥 hái	豬 porco	陰 yīn 土 tǔ	21時-23時

